

BOARD OF PAROLE HEARINGS

P.O. Box 4036
Sacramento, CA 95812-4036



Bảng thông tin và từ viết tắt của các phiên điều trần tạm tha

Trang này nhằm mục đích cung cấp thông tin về quá trình điều trần tạm tha, bao gồm các từ, từ viết tắt hoặc thuật ngữ có thể được sử dụng trong thủ tục tạm tha. “Thủ tục tạm tha” có thể bao gồm Tham vấn, Cuộc họp giữa Luật sư và Khách hàng, Phỏng vấn Đánh giá Rủi ro Toàn diện (CRA) và Điều trần.

Tư vấn

Tham vấn là các cuộc họp giữa một người bị giam giữ và một viên chức điều trần của Hội đồng khoảng năm năm trước khi người đó đủ điều kiện bắt đầu nhận các phiên điều trần tạm tha. Viên chức điều trần cung cấp cho người đó thông tin về quy trình điều trần tạm tha và các khuyến nghị liên quan đến nhiệm vụ công việc, hành vi và chương trình. Nếu cần, một thông dịch viên sẽ được sử dụng để hỗ trợ việc giao tiếp hiệu quả.

Cuộc họp luật sư và khách hàng

Cuộc họp Luật sư-Khách hàng là cuộc trò chuyện giữa một người và luật sư do tiểu bang chỉ định đại diện cho họ trong phiên điều trần tạm tha sắp tới. Trong các cuộc họp này, luật sư có thể hỏi khách hàng về thông tin trong hồ sơ của họ, thu thập bằng chứng để hỗ trợ cho lập luận của họ về lý do tại sao khách hàng của họ nên được coi là phù hợp để được tạm tha và tư vấn cho khách hàng của họ về các lựa chọn sẵn có khác. Nếu cần, một thông dịch viên sẽ được sử dụng để hỗ trợ việc giao tiếp hiệu quả.

Phỏng vấn đánh giá rủi ro toàn diện

Đánh giá Rủi ro Toàn diện, hay “CRA”, Phỏng vấn là cuộc gặp giữa một người và nhà tâm lý học của Hội đồng, trong đó nhà tâm lý học thu thập thông tin để đánh giá nguy cơ phạm tội bạo lực trong tương lai của người đó. Nhà tâm lý học thường sẽ đặt câu hỏi về lịch sử xã hội và tội phạm của người đó, hành vi tích cực và tiêu cực trong thể chế của người đó, chương trình, trình độ học vấn hoặc công việc của người đó cũng như các kế hoạch hoặc lựa chọn của người đó để chuyển đổi thành công trở lại cộng đồng. Nếu cần, một thông dịch viên sẽ được sử dụng để hỗ trợ việc giao tiếp hiệu quả. Cuộc phỏng vấn CRA dẫn đến một báo cáo bằng văn bản thường được hội đồng điều trần xem xét và có thể được thảo luận trong phiên điều trần.

Phiên điều trần

Các phiên điều trần của hội đồng chủ yếu là các phiên điều trần xem xét việc tạm tha, nhưng có thể bao gồm các phiên điều trần xem xét lại việc tạm tha, các phiên điều trần về việc bãi bỏ hoặc các phiên điều trần về người phạm tội rối loạn sức khỏe tâm thần (OMHD). Nếu cần, một thông dịch viên sẽ được sử dụng để hỗ trợ việc giao tiếp hiệu quả.

Phiên điều trần xem xét tạm tha

Phiên điều trần xem xét tạm tha, còn được gọi là “phiên điều trần phù hợp”, là phiên điều trần mà Hội đồng tiến hành để xác định xem một người có nên được ra tù hay không. Các phiên điều trần thường được tiến hành bằng hội nghị truyền hình; tuy nhiên, nếu cần phải có sự giao tiếp hiệu quả thì các phiên điều trần có thể được tiến hành trực tiếp tại trại giam nơi người đó cư trú.

Những người có mặt: Các phiên điều trần thường được tiến hành bởi một hội đồng điều trần gồm hai người bao gồm một ủy viên và một phó ủy viên. Một nhân viên cải huấn sẽ có mặt bên trong phòng điều trần vì mục đích an ninh. Luật sư của người đó và đại diện từ văn phòng Biện lý quận có thể có mặt trực tiếp hoặc qua video. Các bên sau đây có thể có mặt tại một số phiên điều trần tạm tha trực tiếp hoặc qua video: (các) nạn nhân trực tiếp hoặc thành viên gia đình nạn nhân; một trợ lý nhân viên hoặc thông dịch viên để hỗ trợ giao tiếp hiệu quả; và giới truyền thông hoặc những người quan sát khác (những người này không tham gia).

Thủ tục của Phiên điều trần xem xét tạm tha: Phiên điều trần xem xét tạm tha thường sẽ bắt đầu bằng việc mỗi bên nêu và đánh vần tên của họ trong hồ sơ. Tiếp theo, hội đồng sẽ tiến hành đánh giá Đạo luật Người khuyết tật Hoa Kỳ để xác định các nhu cầu hoặc điều chỉnh cụ thể liên quan đến khuyết tật mà một người bị giam giữ có thể yêu cầu cho phiên điều trần.

Trong phiên điều trần, hội đồng có thể thảo luận với người đó về lịch sử xã hội, lịch sử lạm dụng chất kích thích và hoạt động tội phạm trong quá khứ dẫn đến hành vi phạm tội của họ. Hội đồng cũng có thể thảo luận về hành vi thể chế tích cực và tiêu cực của người đó, lập chương trình và lập kế hoạch phát hành.

Luật sư và công tố viên do tiểu bang chỉ định có thể đặt các câu hỏi làm rõ và mỗi người có thể đưa ra tuyên bố kết thúc. Người này có thể đưa ra nhận xét kết thúc, sau đó là các nạn nhân, nếu có, những người có quyền phát biểu cuối cùng trước khi hội đồng đưa ra quyết định của họ. Sau đó, hội thảo sẽ nghỉ giải lao để cân nhắc về quyết định của mình.

Sau khi phiên điều trần được triệu tập lại, hội đồng sẽ nêu quyết định trong hồ sơ và kết thúc phiên điều trần. Trong thời gian này, không ai có thể nói chuyện. Sau phiên điều trần, người bị giam giữ có thể nói chuyện với luật sư của mình để thảo luận về kết quả phiên điều trần.

Điều trần khác:

Phiên điều trần xem xét lại việc tạm tha: Những phiên điều trần này giống như một phiên điều trần về sự phù hợp với việc tạm tha nhưng dành cho một người trước đây đã được tạm tha nhưng đã bị đưa trở lại nhà tù và hiện được yêu cầu chứng minh sự phù hợp để được tạm tha một lần nữa.

Phiên điều trần hủy bỏ: Những phiên điều trần này được tổ chức trong trường hợp một người được cấp phép tạm tha, nhưng trước khi được trả tự do, quyết định cấp phép đã được chuyển đi để xem xét, điều này có thể dẫn đến việc cấp phép tạm tha bị hủy bỏ.

Giải thích các điều khoản phổ biến

Trong quá trình tố tụng, một số thuật ngữ phổ biến có thể được sử dụng để đánh giá sự hiểu biết của một người về tội ác và hành vi của họ trong tù:

“Gói Chính” và **“Gói 10 Ngày”** là các gói tài liệu được gửi đến hội đồng điều trần, luật sư quận và luật sư của hội đồng.

“Thẻ chế” đề cập đến cơ sở nhà tù.

“Các yếu tố rủi ro” đề cập đến những hoàn cảnh xuất hiện trong cuộc sống của một người đã thúc đẩy họ phạm tội trong cộng đồng hoặc vi phạm trong tù. Các trường hợp bên ngoài có thể bao gồm sự từ chối, mất mối quan hệ hoặc sự không chung thủy của đối tác; mất tiền hoặc nguồn thu nhập; bỏ bê hoặc lạm dụng trong thời thơ ấu; hoặc lớn lên với những người bạn đồng trang lứa hoặc thành viên trong gia đình có tư tưởng tội phạm. Hoàn cảnh bên trong có thể bao gồm cảm giác bị từ chối, ghen tị, tức giận, thiếu tôn trọng hoặc phản bội; dễ bị áp lực ngang hàng và ảnh hưởng tiêu cực của các đồng nghiệp phạm tội; học được sự căm ghét một nhóm người; nạn nhân thời thơ ấu; hoặc không có khả năng vượt qua cơn nghiện.

“Khuyết tật về tính cách” đề cập đến những khía cạnh tiêu cực trong tính cách của một người tại thời điểm phạm tội khiến họ vi phạm các quy tắc xã hội và thực hiện hành vi phạm tội để làm hại người khác. Đây thường là tình trạng người đó không có khả năng hoặc thiếu kỹ năng vào thời điểm đó để đối phó với một hoặc nhiều hoàn cảnh bên ngoài hoặc những khó khăn nội tâm được liệt kê ở trên trong “các yếu tố rủi ro”.

“Yếu tố nguyên nhân” đề cập đến các yếu tố chịu trách nhiệm gây ra điều gì đó. Nói chung, hội đồng sẽ khám phá các yếu tố nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội hoặc tiền án tiền sự của một người.

“Tác nhân kích hoạt” dùng để chỉ tác nhân kích thích gây ra phản ứng. Hội thảo có thể khám phá các yếu tố kích hoạt của một người đã dẫn đến kết quả tiêu cực trong quá khứ hoặc các yếu tố kích hoạt có thể dẫn đến kết quả tiêu cực trong tương lai.

“Thay đổi cá nhân” đề cập đến sự thể hiện sự thay đổi của một người kể từ khi họ phạm tội.

“Hành vi thể chế” là hồ sơ kỷ luật của người bị giam giữ trong thời gian ở tù.

“Tội ác chung thân” hoặc **“Tội phạm cam kết”** đề cập đến tội phạm dẫn đến thời hạn giam giữ hiện tại của người đó.

“RVR,” “115,” hoặc **“Chỉ tư vấn RVR”** đề cập đến báo cáo về hành vi sai trái trong tù. Hành vi sai trái nghiêm trọng trong nhà tù thường dẫn đến Báo cáo Vi phạm Quy tắc (RVR) hoặc “115”. Hành vi sai trái ít nghiêm trọng hơn có thể được ghi nhận trong “Báo cáo vi phạm quy tắc chỉ tư vấn”.

“Lập trình” đề cập đến các khóa học hoặc nhóm mà người đó đã tham gia, nơi người đó học các kỹ năng và kỹ thuật để giảm thiểu hoặc khắc phục các yếu tố rủi ro. Một số chương trình của tổ chức thường được liệt kê dưới dạng từ viết tắt. Các ví dụ bao gồm GOGI (Ra ngoài bằng cách đi vào) và CGA (Tội phạm và thành viên băng đảng ẩn danh).

“Người phạm tội vị thành niên” đề cập đến một số người bị giam giữ đã thực hiện hành vi phạm tội kiểm soát trước 26 tuổi. Khi xem xét khả năng phù hợp để được tạm tha của người phạm tội vị thành niên, hội đồng điều trần sẽ rất coi trọng các yếu tố thanh thiếu niên, theo quy định của pháp luật.

“Tạm tha cho người cao tuổi” dùng để chỉ những người cao tuổi bị giam giữ đã đến một độ tuổi nhất định và đã ở tù một thời gian nhất định. Khi xác định khả năng phù hợp của một người cao tuổi để được tạm tha, hội đồng điều trần sẽ xem xét độ tuổi, thời gian thụ án và tình trạng thể chất suy giảm của họ, nếu có.

“Thích hợp để tạm tha” hoặc **“Thích hợp”** đề cập đến khi một người được coi là không còn gây ra rủi ro nguy hiểm vô lý hiện tại cho cộng đồng nếu được thả và ai sẽ được tạm tha.

“Không phù hợp để tạm tha” hoặc **“Không phù hợp”** đề cập đến khi một người được coi là vẫn gây ra nguy cơ nguy hiểm vô lý, hiện tại cho cộng đồng nếu được thả và ai sẽ bị từ chối tạm tha.

“Quy định về sự không phù hợp” đề cập đến yêu cầu của một người đồng ý từ chối việc tạm tha trong một khoảng thời gian nhất định.

“Hoãn” đề cập đến yêu cầu của một người để hoãn phiên điều trần đã lên lịch hiện tại của họ trong khoảng thời gian dưới một năm, thường là do các tình huống bất ngờ.

“Miễn trừ” đề cập đến yêu cầu của một người từ bỏ các quyền của họ đối với phiên điều trần đã được lên lịch hiện tại trong một số năm cụ thể.

“Tiếp tục” đề cập đến các tình huống trong đó phiên điều trần đã được tiến hành một phần nhưng do các tình huống bất ngờ (chẳng hạn như người tham gia phiên điều trần bị ốm đột ngột) hoặc có thông tin mới cần điều tra nên phiên điều trần phải tạm dừng và kết thúc vào một ngày sau đó.

“Keyhea Order” hoặc **“2602 Order”** đề cập đến quy trình nhận lệnh quản lý thuốc hướng thần không tự nguyện trong hệ thống nhà tù (trước đây gọi là lệnh “Keyhea”, phát âm là keh-HEE-ya).

“Tóm tắt” đề cập đến quy trình chính thức mà qua đó một “nhóm đe dọa an ninh” hoặc thành viên “băng đảng” đã được xác thực trước đó có thể chính thức từ bỏ tư cách thành viên của họ khỏi băng đảng.

“Bước xuống” đề cập đến quá trình mà qua đó một “nhóm đe dọa an ninh” hoặc cộng sự “băng đảng” đã được xác thực trước đó có thể chính thức tách khỏi nhóm hoặc băng đảng thông qua việc chứng minh sự vắng mặt của hoạt động liên quan đến băng đảng.

Giải thích các từ viết tắt thông dụng

Trong quá trình tố tụng, mọi người có thể gặp một số hoặc nhiều từ viết tắt này:

CDCR: Bộ Cải huấn và Phục hồi California.

BPH or Board: Hội đồng điều trần tạm tha

DSH: Ban bệnh viện của nhà nước

ADA: Đạo luật người Mỹ khuyết tật

DDP: Chương trình khuyết tật phát triển Chương trình này xác định những người bị giam giữ có khuyết tật phát triển và những hỗ trợ thích ứng mà họ yêu cầu. Các cấp độ trong chương trình này bao gồm:

- DD1: mức độ can thiệp thấp nhất và hỗ trợ thích ứng cần thiết.
- DD2: cần có sự can thiệp ở mức độ trung bình và hỗ trợ thích ứng.
- DD3: cần có sự can thiệp và hỗ trợ thích ứng ở mức độ cao nhất.

MHSDS: Hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần. Hệ thống này xác định những người được chẩn đoán mắc bệnh tâm thần và cung cấp hỗ trợ trị liệu mà họ yêu cầu. Các cấp độ trong chương trình này bao gồm:

- CCCMS: Hệ thống quản lý trường hợp lâm sàng cải huấn (cũng có thể được phát âm là “triple CMS” hoặc “triple C”). Đây là mức điều trị sức khỏe tâm thần ngoại trú thấp nhất.
- EOP: Chương trình ngoại trú nâng cao. Đây là mức độ điều trị sức khỏe tâm thần ngoại trú cao nhất.
- MHCB: Giường khủng hoảng sức khỏe tâm thần. Điều này đề cập đến việc điều trị sức khỏe tâm thần nội trú ngắn hạn chuyên sâu để đánh giá liệu một người có thể ổn định hay cần nhập viện nội trú dài hạn hơn.
- ICF: Cơ sở chăm sóc trung gian. Điều này đề cập đến việc điều trị sức khỏe tâm thần nội trú chuyên sâu và thường dài hạn hơn cho người dân.
- ACUTE: Điều này đề cập đến việc điều trị sức khỏe tâm thần nội trú chuyên sâu cho người dân.

TABE: Kiểm tra giáo dục cơ bản dành cho người lớn. Điểm đọc TABE tương ứng với cấp độ đọc của mỗi cá nhân. Ví dụ: điểm 6,0 có nghĩa là người đó đọc ở cấp lớp sáu.

CASAS: Hệ thống đánh giá học sinh trưởng thành toàn diện.

DSL: Luật xác định câu. (có thể phát âm là “DEE-sel”). Điều này đề cập đến những người bị giam giữ mà bản án có thời hạn giam giữ nhất định có thể được giảm bớt thông qua các khoản tín dụng hoặc đủ điều kiện để Hội đồng xem xét tạm tha trước đó.

ISL: Luật câu không xác định. (có thể phát âm là “EYE-sel”). Điều này đề cập đến những người bị giam giữ mà bản án không có thời hạn xác định và họ chỉ có thể được tạm tha thông qua việc xem xét tạm tha của Hội đồng.

FAD: Phòng giám định pháp y. Đây là bộ phận gồm các nhà tâm lý học tại Hội đồng thực hiện Đánh giá rủi ro toàn diện.

IPV or BWS: Bạo lực do bạn tình (trước đây gọi là “Hội chứng phụ nữ bị đánh đập”). Điều này đề cập đến bạo lực trong mối quan hệ gia đình.

MEPD: Ngày tạm tha đủ điều kiện tối thiểu. Điều này đề cập đến ngày sớm nhất mà một người bị kết án chung thân với khả năng được tạm tha có đủ điều kiện để được xem xét tạm tha.

YPED: Ngày đủ điều kiện tạm tha cho thanh thiếu niên. Điều này đề cập đến ngày sớm nhất mà một người đủ tiêu chuẩn là tội phạm thanh thiếu niên đủ điều kiện để được xem xét tạm tha.

EPED: Ngày đủ điều kiện tạm tha cho người cao tuổi. Điều này đề cập đến ngày sớm nhất mà một người đủ tiêu chuẩn là người phạm tội lớn tuổi có đủ điều kiện để được xem xét tạm tha.

NPED: Ngày đủ điều kiện cho việc tạm tha bắt bạo động. Điều này đề cập đến ngày sớm nhất mà một người đủ tiêu chuẩn là người phạm tội bắt bạo động có đủ điều kiện để được xem xét tạm tha.

EPRD: Ngày phát hành sớm nhất có thể. Điều này đề cập đến ngày sớm nhất mà một người bị kết án có thời hạn có thể được trả tự do.

GP or “Gen Pop”: Dân số chung. Điều này đề cập đến tổng thể những người bị giam giữ chưa được tách biệt vào nhà ở đặc biệt để áp dụng các biện pháp kỷ luật hoặc bảo vệ.

SNY: Sân nhu cầu nhạy cảm. Điều này đề cập đến việc chỉ định những người bị giam giữ có mối lo ngại về an toàn khi sống trong dân số chung (GP).

NDPF: Cơ sở lập trình không được chỉ định. Điều này đề cập đến việc chỉ định nơi ở chung của những người bị giam giữ bất kể tình trạng dân số chung (GP) hoặc sân nhu cầu nhạy cảm (SNY) của họ để giúp những người bị giam giữ có khả năng tiếp cận tốt hơn với các chương trình phục hồi.

RHU: Đơn vị nhà ở bị hạn chế. Điều này đề cập đến một đơn vị lập trình chuyên biệt dành cho một người không phù hợp với nhà ở trong dân số nói chung. Thuật ngữ này thay thế:

- **ASU or AD-SEG:** Đơn vị phân chia hành chính. (có thể được phát âm là “ADD-seg”).
- **SHU:** Đơn vị Nhà ở An ninh. (có thể được phát âm là “shoe”).
- **PSU:** Đơn vị Dịch vụ Tâm thần.

PHU: Đơn vị nhà ở bảo vệ. Điều này đề cập đến sự tách biệt trong một tổ chức khỏi cộng đồng nói chung vì lý do an toàn.

PIP: Chương trình nội trú tâm thần. Điều này đề cập đến các đơn vị nhà ở chăm sóc sức khỏe tâm thần nội trú.

ISU: Đơn vị Dịch vụ Điều tra. Điều này đề cập đến đơn vị gồm các sĩ quan CDCR điều tra các nhà tù.

LTOP: Chương trình dành cho người phạm tội dài hạn. (có thể được phát âm là các chữ cái riêng lẻ hoặc phổ biến hơn là “EL- top”). chương trình bao gồm nhiều khóa học nhằm giải quyết các yếu tố nguy cơ đã được xác định của một người.

STG: Nhóm đe dọa bảo mật. Điều này đề cập đến các băng đảng trong tù hoặc các băng đảng đường phố cộng đồng.

TCMP: Chương trình quản lý trường hợp chuyển tiếp là một chương trình của tổ chức nhằm hỗ trợ những người đang trong quá trình chuyển tiếp sang giai đoạn tạm tha trong cộng đồng.

Thể chế viết tắt

Trong quá trình tố tụng, mọi người có thể gặp một hoặc một số từ viết tắt sau đây của các tổ chức do CDCR quản lý hoặc bệnh viện do DSH quản lý, nơi người bị giam giữ có thể cư trú:

ASH: Atascadero State Hospital	ISP: Ironwood State Prison
ASP: Avenal State Prison	KVSP: Kern Valley State Prison
CAL: Calipatria State Prison	LAC: California State Prison – Los Angeles County
CCI: California Correctional Institution	MCSP: Mule Creek State Prison
CCWF: Central California Women’s Facility	NKSP: North Kern State Prison
CEN: Centinela State Prison	PBSP: Pelican Bay State Prison
CHCF: California Health Care Facility	PSH: Patton State Hospital
CIM: California Institution for Men	PVSP: Pleasant Valley State Prison
CIW: California Institution for Women	RJD: Richard J. Donovan Correctional Facility
CMC: California Men’s Colony	SAC: California State Prison - Sacramento
CMF: California Medical Facility	SATF: Substance Abuse Treatment Facility
COR: California State Prison - Corcoran	SCC: Sierra Conservation Center
CRC: California Rehabilitation Center	SOL: California State Prison - Solano
CTF: Correctional Training Facility	SQRC: San Quentin Rehabilitation Center
CVSP: Chuckawalla Valley State Prison	SVSP: Salinas Valley State Prison
FSP: Folsom State Prison	VSP: Valley State Prison
HDSP: High Desert State Prison	WSP: Wasco State Prison

Vị trí khác viết tắt

SACCO: Sacramento Control Office. Văn phòng này theo dõi và giám sát bất kỳ người nào sống trong các cơ sở nằm bên ngoài California.

MCCF: Modified Community Correctional Facilities. Đây là những cơ sở thể chế không được liệt kê ở trên và thuộc quyền quản lý trực tiếp của CDCR.